

Số: 01/2020/QĐST-HNGĐ

Bảo Yên, ngày 24 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” và
“Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân”**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hà Thị Anh.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Dân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai tham gia phiên họp: Bà Hoàng Thị Trịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” và “Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Hội Liên hiệp phụ nữ huyện B tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ trụ sở: Tổ 4, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Ngô Hồng T là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ huyện B, tỉnh Lào Cai). Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên họp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Đình T- Chủ tịch UBND thị trấn P, huyện B.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị D - Cán bộ tư pháp UBND thị trấn P, huyện B. Có mặt.

- Anh Bùi Văn N, sinh ngày 20/6/1990 - Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 20/7/1993 - Có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 9c, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu và bản tự khai, người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Ngô Hồng T trình bày: Anh Bùi Văn N, sinh ngày 20/6/1990 và chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 25/01/1993, hiện đang cư trú tại tổ 9, thị trấn P, huyện Bảo yên, tỉnh Lào Cai có đăng ký kết hôn ngày 22/4/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Khi kết hôn, do chị T khai sai thông tin về ngày tháng sinh nên đến ngày 16/9/2019, UBND huyện Bảo Yên đã ra quyết định cải chính hộ tịch ngày, tháng sinh, chị T từ ngày 25/01/1993 thành 20/7/1993. Sau khi cải chính thì tại thời điểm chị T đăng ký kết hôn chị Tg chưa đủ 17 tuổi nên chị T đã vi phạm điều kiện về tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Ngoài ra, chị T, anh N không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn N theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 20/01/2020 và tại đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân ngày 10 tháng 02 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn N đều trình bày: Chị T và anh N có đăng ký kết hôn ngày 22/4/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Khi đăng ký kết hôn, chị T đã xuất trình giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND xã Lương Sơn cấp trong đó ghi ngày tháng năm sinh của chị T là 25/01/1993 nhưng thực tế chị T sinh ngày 20/7/1993. Nguyên nhân là do khi cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho chị T, UBND xã L đã không kiểm tra lại ngày, tháng sinh của chị T. Như vậy chị T kết hôn khi chưa đủ tuổi kết hôn, đã vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Ngoài ra, chị không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị T và anh N khẳng định, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có một con chung, đến nay anh chị vẫn mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân. Vì vậy anh chị yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân có hiệu lực kể từ thời điểm chị T đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 20/7/2011 theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại bản tự khai ngày 04/02/2020 và tại phiên họp người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn Phố Ràng trình bày: Ngày 22/4/2010 UBND thị trấn Phố Ràng tiếp nhận đăng ký kết hôn của anh Bùi Văn N và chị Nguyễn Thị T sinh ngày 25/01/1993 theo giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã L cấp. Căn cứ theo khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, chị T đủ điều kiện kết hôn. Tuy nhiên theo quyết định cải chính hộ tịch số 164 ngày 16/9/2019 của UBND huyện Bảo Yên xác định chị T sinh ngày 20/7/1993. Do vậy yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh N và chị T là đúng quy định.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo. Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 149; Điều 367; Điều 369; Điều 370 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Điểm a khoản 1 Điều 8, điểm d khoản 2 Điều 10, Điều 11, khoản 1 Điều 12 của Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của Hội liên hiệp Phụ nữ huyện Bảo Yên hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn N kể từ ngày 22/4/2010 đến ngày 20/7/2011.

Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn N, kể từ thời điểm chị T đủ điều kiện kết hôn, ngày 20/7/2011.

Hội liên hiệp phụ nữ huyện Bảo Yên không phải chịu lệ phí việc dân sự; Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn N phải chịu lệ phí việc dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định về thủ tục giải quyết việc dân sự. Tại phiên họp người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Ngô Hồng Thắm có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt người yêu cầu giải quyết việc dân sự theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn N kết hôn ngày 22/4/2010 tại UBND thị trấn P. Khi đăng ký kết hôn chị T đã cung cấp cho UBND thị trấn P giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trong đó xác nhận chị T sinh ngày 25/01/1993. Do các giấy tờ tùy thân không phù hợp với nhau nên chị T và anh N đều phải thực hiện cải chính hộ tịch. Theo quyết định cải chính hộ tịch số 164/TLCCHT ngày 16/9/2019 của UBND huyện Bảo Yên đã cải chính ngày tháng sinh của chị Nguyễn Thị T từ ngày 25/01/1993 thành 20/7/1993. Như vậy khi chị T đăng ký kết hôn chị Nguyễn Thị T chưa đủ 17 tuổi, chị T đã vi phạm quy định điều kiện về độ tuổi kết hôn quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai yêu cầu Tòa án giải quyết việc hủy kết hôn trái pháp luật của chị T và anh N là có căn cứ, nên cần được chấp nhận hủy việc kết hôn trái pháp luật của chị T và anh N kể từ ngày 22/4/2010 đến ngày 20/7/2011 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8, điểm d khoản 2 Điều 10, khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn đến nay chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn N vẫn chung sống hạnh phúc và đã có một con chung. Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì chị T và anh N đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đồng thời chị T và anh N đều yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị T đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 20/7/2011. Vì vậy, yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh

chị là có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần được chấp nhận.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Hội Liên hiệp phụ nữ huyện B, tỉnh Lào Cai không phải nộp tiền tạm ứng lệ phí Tòa án và không phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của chị T và anh N được chấp nhận nên chị T, anh N phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 149; Khoản 2 Điều 367; Điều 369; Điều 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 1 Điều 8; Điểm d Khoản 2 Điều 10; Điều 11, khoản 1 Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm d khoản 2 Điều 11; Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Hủy việc kết hôn trái pháp luật của chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn N kể từ ngày 22/4/2010 đến ngày 20/7/2011.

- Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn N. Công nhận quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn N kể từ thời điểm chị Nguyễn Thị T đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 20/7/2011.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai không phải chịu tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001720 ngày 10/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên. Chị T, anh N đã nộp đủ tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc niêm yết quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- CCTHADS huyện;
- UBND thị trấn P,
- Lưu: HS, TA

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hà Thị Anh

NXAGĐ quý 2.2016 NX ko áp dụng khoản 1,2,3 Điều 330, khoản 1,2 Điều 331 BLTTDS

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, **7b** và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự